

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/4/2022

(V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Thôi

2. Bà Lê Thị Kiều Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà –Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 95/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Lương Minh A – sinh năm 1984

Trú tại: khu phố 1, phường B, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

*** Bị đơn:** Bà Huỳnh Thị Thu C – sinh năm 1981

Trú tại: khu phố 1, phường D, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt ông A và bà C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lương Minh A trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà C tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND phường B, thành phố Phan Thiết. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó hai người phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp. Hai người không sống

chung từ năm 2018 đến nay. Nay cuộc sống không có hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà C.

Về con chung: Ông và bà C có hai con Lương Minh E, sinh ngày 12/5/2012 và Lương Huỳnh F, sinh ngày 03/11/2013. Khi vợ chồng sống ly thân vào năm 2018 đến nay ông là người trực tiếp nuôi con Minh E, cho cháu ăn học đến nơi đến chốn, năm nào cũng được học sinh giỏi, chăm ngoan, đầy đủ về mặt vật chất cũng như tinh thần.

Trong quá trình giải quyết vụ án, lúc đầu ông đồng ý giao cả hai con cho bà C được quyền nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng cho mỗi con 3.000.000 đồng/tháng, nhưng sau đó ông xin thay đổi ý kiến không đồng ý giao con Minh E cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, vì giao cho bà C nuôi sẽ làm xáo trộn đến việc học tập và sinh hoạt của cháu được duy trì ổn định từ năm 2018 đến nay; ảnh hưởng đến việc đưa và đón cháu đi học vì nhà bà C ở xa trường học của cháu, ngược đường, không thuận lợi; một mình bà C cùng một lúc phải chăm sóc cả hai con sẽ không đảm bảo về mọi mặt cho các con. Nên ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con Minh E, bà C tiếp tục trực tiếp nuôi con F. Ông sẽ tự nguyện cấp dưỡng cho con F 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo Bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Thu C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông A tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND phường B, thành phố Phan Thiết. Trong thời gian chung sống lúc đầu hạnh phúc, sau đó ông bà phát sinh mâu thuẫn do quan niệm sống không phù hợp. Bà và ông A không sống chung từ năm 2018 đến nay. Bà sống ở nhà riêng ở phường D cùng với con F, còn ông A và con E sống với cha mẹ ông A tại phường B. Nay cuộc sống của hai người không có hạnh phúc nên bà đồng ý thuận tình ly hôn với ông A.

Về con chung: Bà và ông A có hai con như ông A trình bày là đúng. Từ khi ly thân đến nay ông A nuôi con Minh E, còn bà nuôi con F. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cả hai con, yêu cầu ông A cấp dưỡng cho mỗi con 3.000.000 đồng/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án ông A đồng ý để bà nuôi cả hai con nhưng sau đó do tác động của gia đình ông đã thay đổi ý kiến không đồng ý cho bà nuôi con Minh E, mặc dù theo nguyện vọng E xin được ở với bà. Bà cho rằng cháu E đang học lớp 4 Trường tiểu học Đức Thắng 1 gần nhà ông A nên việc đưa đón cháu đi học thuận lợi hơn bà. Trong thời gian ông A nuôi E thì mọi việc đều tốt, E học tốt và năm nào cũng được học sinh giỏi. Nhưng đến thời điểm một năm gần đây không tốt vì ông A hay đi nhậu bỏ bê con nên bà yêu cầu được nuôi cháu E cùng với cháu F.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng

xét xử nghị án. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, về quan hệ hôn nhân trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông A và bà C đều thuận tình ly hôn nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông A và bà C; về con chung, giao cho ông A được quyền tiếp tục nuôi con Minh E và giao cho bà C được quyền tiếp tục nuôi con F, ghi nhận ông A tự nguyện cấp dưỡng cho con F 3.000.000 đồng/tháng; về tài sản chung và nợ chung ông A và bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí ông A tự nguyện nộp án phí về ly hôn và phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Huỳnh Thị Thu C cư trú tại khu phố 1, phường D, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông A Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông A và bà C là hợp pháp, ông bà đã được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 112, quyển số 01/2010, vào ngày 23 tháng 12 năm 2010.

[3] Ông A cho rằng, trong quá trình chung sống ông và bà C không hợp nhau nên hai người đã không sống chung từ năm 2018, nay không còn tình cảm ông yêu cầu được ly hôn với bà C; bà C thừa nhận ông A trình bày là đúng nên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà tự nguyện đồng ý thuận tình ly hôn với ông A. Xét sự thuận tình ly hôn của hai đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông A và bà C.

[4] Ông A và bà C có 02 con chung Lương Minh E, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2012 và Lương Huỳnh F, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2013.

Xét thấy từ năm 2018 đến nay ông A là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu E phát triển toàn diện về mặt thể chất cũng như tinh thần, nuôi con tốt, dạy con ngoan, học giỏi điều này cũng được bà C thừa nhận. Theo nguyện vọng của cháu E xin được ở với mẹ, tuy nhiên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu nếu việc giao hết cả hai con cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo sự phát triển tốt nhất về mọi mặt, so với việc giao cho mỗi người nuôi một con. Do đó, để cuộc sống của cháu E được ổn định, tránh xáo trộn về cuộc sống hàng ngày, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu nên tiếp tục giao cho A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu E là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, ý kiến được nuôi cả hai con của bà C không được chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng cho con: Xét ông A tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cháu F cho bà C hàng tháng 3.000.000 đồng, được bà C đồng ý nhận nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của ông A.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông A và bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Ông A tự nguyện nộp án phí cho ông và bà C về ly hôn và ông A phải nộp án phí về cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/**Áp dụng:** Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 262 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lương Minh A và bà Huỳnh Thị Thu C.

- Về con chung:

Giao cho ông Lương Minh A được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Minh E (giới tính nam), sinh ngày 12 tháng 5 năm 2012.

Giao cho bà Huỳnh Thị Thu C được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Huỳnh F (giới tính nữ), sinh ngày 03 tháng 11 năm 2013.

Về cấp dưỡng cho con: Ông Lương Minh A tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cháu Lương Huỳnh F hàng tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho bà Huỳnh Thị Thu C, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Lương Minh A và bà Huỳnh Thị Thu C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- **Về án phí:** Ông Lương Minh A phải nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0004378 ngày 23/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết, ông A còn phải nộp thêm 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, quyền kháng cáo bản án của các đương sự trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Phan Thiết;
- Ủy ban nhân dân phường B;
- Thi hành án dân sự Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Phạm Phong Lan